

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 643/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2018
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lý

2/ Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương- Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1184/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị N- sinh năm 1988

Thường trú: số A đường E, khu phố C, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: ấp M, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh

(có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T- sinh năm 1980

Thường trú: số A đường E, khu phố C, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Thái Thị N trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Bà và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc bình thường tuy nhiên 06 năm trở lại đây cuộc sống chung không còn hạnh phúc do ông T ngoại tình. Bà đã 03 lần

nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng 02 lần trước bà đã rút đơn vì bà muốn cho ông T cơ hội sửa chữa và các con có đủ cha mẹ. Tuy nhiên sau khi bà rút đơn vào năm 2015 cho đến nay thì ông T vẫn không thay đổi, ông bà thường xuyên cãi vã nhau, ông T còn có thái độ không tôn trọng gia đình bà. Nay bà xác định mâu thuẫn giữa ông bà không thể hòa giải được và bà cũng không còn tình cảm với ông T, bà đã suy nghĩ kỹ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thái S sinh ngày 23/9/2009 và Nguyễn Thái H sinh ngày 02/8/2013. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện nay 02 con chung đang sinh sống cùng bà tại Tây Ninh, được nuôi dạy và học tập chu đáo. Bà có công việc buôn bán tại nhà thuận tiện cho việc chăm sóc các con với thu nhập mỗi tháng từ 9.000.000đồng đến 13.000.000đồng đủ chi tiêu cho 03 mẹ con bà.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ông Nguyễn Trọng T trình bày trong quá trình tham gia tố tụng:

Quá trình tiến đến hôn nhân như bà N đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân của ông bà bình thường không có mâu thuẫn gì, bà Thái Thị N cho rằng ông ngoại tình là hoàn toàn không có. Ông xác định không làm gì ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân nên không đồng ý ly hôn. Hiện nay bà Thái Thị N đã chuyển về sinh sống tại tỉnh Tây Ninh, còn ông sinh sống tại Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc bà N về Tây Ninh là do ông có thiện chí vì hiện nay bà N chỉ còn cha đã lớn tuổi nên ông đồng ý cho bà N về chăm sóc cha. Bà N muốn ông chuyển về Tây Ninh sinh sống, tuy nhiên công việc của ông là hướng dẫn viên du lịch quốc tế, về Tây Ninh ông không thể phát triển sự nghiệp, trong khi bà N không đồng ý về sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh nên ông bà mỗi người sống một nơi.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thái S sinh ngày 23/9/2009 và Nguyễn Thái H sinh ngày 02/8/2013. Trong trường hợp phải ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thái S, Nguyễn Thái H và không yêu cầu bà Thái Thị N cấp dưỡng nuôi con. Công việc hiện nay của ông là hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thường xuyên đi công tác với thu nhập mỗi tháng 40.000.000đồng. Tuy nhiên, ông đang xin phép chuyển công tác về làm việc tại văn phòng để có điều kiện chăm sóc con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ông Nguyễn Trọng T đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Trọng T cư trú tại quận Thủ Đức nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Trọng T đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[3] Về hôn nhân: Bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 105/2008 do Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/2008. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Ngày 08/11/2017 bà Thái Thị N nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trọng T, quá trình giải quyết vụ án, bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà N: Bà N và ông T kết hôn hợp pháp, mặc dù ông T trình bày vợ chồng chung sống bình thường, nhưng qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định giữa bà N và ông T có những mâu thuẫn, thể hiện ở việc năm 2015 bà N đã nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn ly hôn để đoàn tụ gia đình. Thực tế trong thời gian vừa qua bà N sinh sống tại Tây Ninh, trong khi ông T sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, cả hai ông bà không thống nhất được việc cùng chung sống tại Tây Ninh hoặc Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy, để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc thì cả hai vợ chồng cần có sự thương yêu, chia sẻ, tôn trọng đối với nhau, cả hai đều cùng có mong muốn xây dựng gia đình chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, nay bà N vẫn tiếp tục nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông T nên có căn cứ xác định hai bên đã không giải quyết được vấn đề vẫn để tình trạng mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Như vậy, có căn cứ khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 613/2009 do Ủy ban nhân dân phường H, quận T cấp ngày 06/10/2009 và giấy khai sinh số 510/2013 do Ủy ban nhân dân phường H, quận T cấp ngày 12/8/2013 có căn cứ xác định bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng T có 02 con chung tên Nguyễn Thái S sinh ngày 23/9/2009 và Nguyễn Thái H sinh ngày 02/8/2013. Cả bà N và ông T đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Theo kết quả xác minh tại công văn số 126/UBND ngày 02/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh và công văn số 135/LĐTĐ ngày 02/02/2018 của Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội quận T đã xác định: hiện tại bà N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tại xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con bình thường, các con chung được học tập đầy đủ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của con chung là cháu Nguyễn Thái S sinh ngày

23/9/2009 và cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà N. Xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cần phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật và không làm xáo trộn cuộc sống của các con chung. Hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, có công việc và thu nhập phù hợp bảo đảm cho việc nuôi dưỡng chăm sóc các con phát triển bình thường. Nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận, giao 02 con chung tên Nguyễn Thái S sinh ngày 23/9/2009 và Nguyễn Thái H sinh ngày 02/8/2013 cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Bà Thái Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Bà Thái Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thái S sinh ngày 23/9/2009 và Nguyễn Thái H sinh ngày 02/8/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thái Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Trọng T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Thái Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Thái Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0037483 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Thái Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Thái Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Trọng T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện

việc đăng ký kết hôn

- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy